

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Dung và ông Tạ Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Minh Thị Thu Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2024 đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thông Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: **Thôn L, xã H, huyện H, Bình Thuận**

- Bị đơn: Anh **Xích X**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Thanh Khiết, xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, Bình Thuận
Nguyên, bị đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn anh **Thông Thị T** trình bày:* Chị **T** và anh **X1** Xem sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận** vào ngày 22/12/2010. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh **X** không lo làm ăn hay đi nhậu, kinh tế gia đình khó khăn từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị **T** không còn tình cảm với anh **X** nên đã làm đơn yêu cầu tòa giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh **Xích X**.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh **X1** Xem có làm bản tự khai trình bày về quá trình kết hôn và chung sống giữa anh và chị **T** như chị **T** đã trình bày. Anh **X** đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị **T**; Về con chung không có; Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa giải quyết. Tuy nhiên anh **X** đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa xét xử vắng mặt vì lý do điều kiện đi làm ăn xa không về được.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị **Thông Thị T** được ly hôn với anh **Xích X**.

- Về con chung: Không có không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu và ý kiến của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị **Thông Thị T** có yêu cầu ly hôn với anh **Xích X**, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại **xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn trình bày trong bản tự khai đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Thông Thị T** và anh **Xích X** là hợp pháp.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn chị **Thông Thị T** vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh **Xích X**. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **X** đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Chị **T** và anh **X** đã sống ly thân năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Thông Thị T**. Điều này cũng phù hợp ý kiến của Kiểm sát viên theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Chị **Thông Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Thông Thị T** với anh **Xích X**. Chị **Thông Thị T** được ly hôn với anh **Xích X**.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Về con chung: Không có

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Thông Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008685 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Chị **Thông Thị T** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh **Xích X** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện B.Bình; **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS huyện B.Bình;

- Đương sự;

- UBND xã Hàm Trí;
(Số ĐKKH 95 ngày 22/12/2000)
- Lưu HS, VP.

Lâm Quốc Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bích Lệ

Bá Đình Tâm

Nguyễn Tuấn Anh

